TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 15-5-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương

Bà Lê Thị Tố Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên**.**

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2025/QĐ-PT ngày 31/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ-PT ngày 22/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị M, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: thôn Đô, xã H, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Ngô Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Quách Thị M trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hòa thuận, hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng luôn bị áp lực căng thẳng, giữa chị và anh H đã không ai còn quan tâm, chăm lo cho nhau, nên từ khoảng cuối tháng 12 năm 2023 đến nay chị và anh H đã sống ly thân, trong thời gian này anh H đã nhiều lần lên chỗ chị thuê trọ để tìm mọi cách gây áp lực. Do vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân, nên nhân dịp chuyến đi du lịch cùng với tập thể tại Đà Nẵng, chị đã tự nguyện thụ tinh nhân tạo và hiện tại chị đang mang thai. Tính đến ngày 26/11/2024 thai kỳ đã được khoảng 22 tuần tuổi. Về lý do mang thai, chị cho biết do đã lớn tuổi, vợ chồng chỉ có 01 con chung nhưng khi chị muốn ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với anh H, nên chị quyết định tự mang thai ngoài hôn nhân. Việc mang thai chị đề nghị được giữ bí mật vì đây là quyền đời tư của cá nhân chị. Nếu anh H khẳng định chị có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác thì chị đề nghị anh H phải có bằng chứng để chứng minh. Vì lý do và nguyên nhân mâu thuẫn trên, chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn thương yêu nhau, không còn gắn kết chăm lo cho nhau, nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn H, để đôi bên khỏi bị áp lực về tâm lý và ràng buộc về tình cảm.

* Về con chung: Chị và anh Ngô Văn H có 01 con chung là cháu Ngô Huy H1, sinh ngày 25/10/2016, nay ly hôn, nguyện vọng của chị là giao cháu H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, vì nguyện vọng của cháu muốn được ở với anh H và bản thân anh H cũng không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng có khối tài sản và công nợ chung nhưng hiện tại chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Văn H nêu quan điểm:

* Về hôn nhân: Về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh không thống nhất với ý kiến của chị M đã trình bày, vì thời điểm Tết nguyên đán 2024, vợ chồng anh vẫn gặp nhau, vẫn đi chúc tết gia đình bên nội, bên ngoại. Anh cũng có hỏi chị M lý do làm đơn như vậy thì chị M cho biết là lý do không quan trọng, nên theo anh, lý do chị M muốn ly hôn là như sau:

Thứ nhất: Công việc của anh hiện tại là lao động tự do, còn chị M là giáo viên, nghề nghiệp ổn định còn anh không có công việc ổn định, nên không còn hợp với chị M.

Thứ hai: Sau thời gian làm nhà, đi làm ra ít tiền để trả nợ đến bây giờ vẫn còn nợ nần nhiều.

Thứ ba: Hiện giờ chị M tự ý mang thai, không phải con của anh nên muốn nhanh ly hôn để qua mọi chuyện, cái thai có dấu hiệu bất thường trong mối quan hệ. Vì vậy, anh H đề nghị làm rõ lý do ly hôn và cái thai của chị M.

Về tình cảm, anh thừa nhận giữa anh và chị M không còn tình cảm và đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 6/2024. Mặc dù công việc gia đình chị M vẫn có mặt, nhưng anh và chị M đã không còn quan hệ tình dục với nhau từ khoảng tháng 12/2023 (âm lịch) cho đến nay, nên việc chị M tự ý mang thai ngoài hôn nhân là do chị M tự quyết định, anh không chịu trách nhiệm đối với cái thai hiện tại của chị M. Nay chị M tự ý mang thai anh yêu cầu chị M phải cung cấp các giấy tờ, tài liệu liên quan để chứng minh. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án làm rõ lý do ly hôn của chị M.

* Về con chung: Vợ chồng anh chỉ có 01 con chung là Ngô Huy H1, sinh ngày 25/10/2016. Nay anh đồng ý theo nguyện vọng của cháu là anh được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng anh tự nguyện không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản và công nợ: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có cùng nhau xây dựng 01 căn nhà hai tầng và có một số khoản nợ chung. Nay chị M xin ly hôn thì anh chỉ nhận ½ tài sản và ½ công nợ. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án, anh sẽ có trách nhiệm cung cấp, giao nộp các giấy tờ liên quan đến tài sản, công nợ chung để Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/11/2024, cán bộ khu phố T, thị trấn H nơi chị M và anh H đăng ký nhân khẩu cho biết: Trước đây anh H và chị M công tác tại huyện M. Sau khi kết hôn thì anh, chị chuyển công tác và chuyển khẩu về địa phương. Khoảng năm 2021 anh H, chị M xây nhà trên đất của bố, mẹ anh H. Hè năm 2024 vợ chồng có về quê sau đó anh và chị lại đi làm ăn hiện không có mặt tại địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: anh H, chị M kết hôn với nhau vào năm 2016, anh chị có một con chung, thời gian trước thì vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên do anh, chị đi làm ăn xa nên địa phương không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Hiện nay con chung của anh H, chị M đang học tập ở địa phương và ở cùng với mẹ anh H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 24/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án):

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Quách Thị M, chị M được ly hôn với anh Ngô Văn H.

Về con chung: Công nhận cháu Ngô Huy H1, sinh ngày 25/10/2016 là con chung của anh H và chị M. Giao cho anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Huy H1. Sau khi ly hôn chị M có quyền, nghĩa vụ qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, anh H và người thân không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Do anh H tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng khai nại có khối tài sản chung, công nợ chung nhưng chưa đủ căn cứ xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp anh H, chị M có yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung thì một trong các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để chia tài sản chung, công nợ chung theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025, anh Ngô Văn H kháng cáo với nội dung: Về hôn nhân: không đồng ý ly hôn; về tài sản và công nợ: đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản và công nợ trong cùng vụ án ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) tại cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 24/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Ngô Văn H có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của BLTTDS và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh H:

[2.1] Về hôn nhân: Tại đơn kháng cáo, anh H không đồng ý việc ly hôn, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ lý do xin ly hôn của chị M. Tuy nhiên, anh thừa nhận giữa anh và chị M không còn tình cảm và đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 6/2024. Mặc dù công việc gia đình chị M vẫn có mặt, nhưng anh

và chị M đã không còn quan hệ tình dục với nhau từ khoảng tháng 12/2023 (âm lịch) cho đến nay.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng phải đến từ hai phía, đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ, tôn trọng nhau và có trách nhiệm với nhau. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thời điểm gần đây khi chị M xin chuyển công tác từ huyện M về xã H, huyện H1, trong thời điểm thuê nhà thì anh H đã nhiều lần tìm gặp hàng xóm nơi chị M thuê trọ để tìm hiểu mối quan hệ xã hội của chị M với người anh kết nghĩa của chị M, chứng tỏ anh H không còn tin tưởng vào tình cảm của chị M. Hơn nữa, mặc dù vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa nhưng vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân, chị M lại tự ý mang thai và cả hai bên đều thừa nhận cái thai không phải của anh H, chứng tỏ vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa, tình cảm giữa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho chị M được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên quyết định về phần hôn nhân của bản án dân sự sơ thẩm.

[2.2] Về tài sản chung và công nợ chung:

Tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, anh Ngô Văn H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phần tài sản chung và công nợ chung trong cùng vụ án ly hôn.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn là chị Quách Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung và công nợ chung; còn bị đơn là anh Ngô Văn H có yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng. Anh H trình bày tại đơn kháng cáo: Thẩm phán Tòa án giải thích cho tôi là nộp tài liệu liên quan đến tài sản công nợ nhưng tôi chưa nộp vì tôi công việc làm ăn xa nhà và không biết lịch để nộp tài liệu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chưa có cơ sở để giải quyết phần tài sản và công nợ chung trong cùng vụ án ly hôn, mà dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác nếu có yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật. HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Văn H về nội dung này.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Ngô Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Ngô Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 24/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Anh Ngô Văn H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003xxx ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, anh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án; Tòa GĐ & NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án; Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến